

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **616** /QĐ-BNV

Hà Nội, ngày **28** tháng **5** năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Xã hội học Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102- SL/L004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 ban hành Luật quy định quyền lập hội;

Căn cứ Nghị định số 61/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Xã hội học Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Xã hội học Việt Nam đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II (nhiệm kỳ 2012 - 2017) của Hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2012 tại Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội Xã hội học Việt Nam, Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Bộ Nội vụ (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Công an (C64);
- Lưu: VT, TCCP, T.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



*** Nguyễn Tiến Dinh**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc



ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)
HỘI XÃ HỘI HỌC VIỆT NAM

(Phê duyệt kèm theo Quyết định số: 616 /QĐ -BNV
ngày 28 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

Chương I
TÊN HỘI, TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH
VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Điều 1. Tên gọi của Hội

1. Tên tiếng Việt: Hội Xã hội học Việt Nam.
2. Tên tiếng Anh: Vietnam Sociological Association (viết tắt là: VSA).

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Xã hội học Việt Nam (sau đây gọi là Hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tự nguyện của các tổ chức, công dân Việt Nam đã và đang làm công tác nghiên cứu khoa học, giảng dạy, đào tạo, phổ biến và ứng dụng xã hội học trên phạm vi cả nước, nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau tiến hành các hoạt động xây dựng, phát triển ngành xã hội học Việt Nam và góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng đất nước vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”.

Điều 3. Lĩnh vực và phạm vi hoạt động

1. Hội hoạt động trong lĩnh vực xã hội học, bao gồm: nghiên cứu, tham gia đào tạo, phổ biến và ứng dụng xã hội học trong phạm vi cả nước.
2. Hội hoạt động trên phạm vi cả nước, chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành có liên quan theo quy định của pháp luật về lĩnh vực Hội hoạt động.

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động và địa vị pháp lý

1. Hội tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản; dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch; tự đảm bảo kinh phí; không vì mục đích lợi nhuận; quyết định theo đa số; tuân thủ quy định của pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ Hội đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, biểu tượng, tài sản, tài khoản riêng tại ngân hàng, Kho bạc Nhà nước và có cơ quan ngôn luận được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

3. Trụ sở chính của Hội đặt tại Hà Nội. Khi cần, Hội có thể thành lập văn phòng đại diện tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của pháp luật.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ

Điều 5. Nhiệm vụ của Hội

1. Tổ chức các hoạt động của Hội theo đúng tôn chỉ, mục đích, Điều lệ của Hội và các quy định của pháp luật.

2. Tập hợp, đoàn kết, động viên hội viên tích cực nghiên cứu khoa học, tham gia đào tạo, phổ biến và ứng dụng tri thức xã hội học.

3. Nghiên cứu, tham gia các chương trình, dự án, tư vấn, phản biện, cung cấp các luận cứ khoa học về xã hội học nhằm trợ giúp Đảng và Nhà nước trong việc hoạch định, xây dựng chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của đất nước theo quy định của pháp luật.

4. Tuyên truyền, phổ biến tri thức xã hội học, tham gia hoặc phối hợp với các cơ quan, các trường học, các trung tâm, các cơ sở giáo dục đào tạo khác ở trong và ngoài nước đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài xã hội học theo quy định của pháp luật.

5. Tham gia tổ chức và thực hiện ứng dụng xã hội học phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên trong hoạt động nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

6. Hợp tác với các tổ chức, cá nhân, các chuyên gia trong nước và quốc tế để trao đổi kiến thức, học thuật, kinh nghiệm nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động của Hội và góp phần thúc đẩy phát triển ngành xã hội học phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế.

7. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội, kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển của Hội và lĩnh vực Hội hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quyền hạn của Hội

1. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và tuân thủ pháp luật.

2. Tuyên truyền mục đích hoạt động của Hội và đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội và bảo

vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Hội, hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội và quy định của pháp luật.

3. Tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; hòa giải tranh chấp trong nội bộ Hội.

4. Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học, phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên; cung cấp thông tin cần thiết cho hội viên theo quy định của pháp luật.

5. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải kinh phí hoạt động.

6. Thành lập pháp nhân trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

7. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

8. Được mở rộng quan hệ, hợp tác với các tổ chức khoa học, các hội trong nước và gia nhập các tổ chức quốc tế có cùng lĩnh vực hoạt động của Hội. Được ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật và có trách nhiệm báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực Hội hoạt động; cơ quan quyết định cho phép thành lập Hội về việc gia nhập tổ chức quốc tế, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế.

9. Khen thưởng, kỷ luật và kết nạp, khai trừ hội viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 7. Nghĩa vụ của Hội

1. Chấp hành các quy định của pháp luật về hội và các quy định pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội và Điều lệ Hội. Không lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tuân thủ và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về chế độ báo cáo hàng năm như: Tình hình tổ chức, hoạt động, việc quản lý sử dụng kinh phí, tiếp nhận, sử dụng nguồn tài trợ của các cá nhân, tổ chức nước ngoài cho cơ quan tài chính cùng cấp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nhất là khi thực hiện các công việc: Tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, Đại hội bất thường; thay đổi các chức danh lãnh đạo chủ chốt của Hội; thay đổi trụ sở; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội; lập văn phòng đại diện ở các địa phương khác; thành lập các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội.

3. Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tuân thủ pháp luật. Lập và lưu giữ tại trụ sở Hội danh sách hội viên, chi hội, văn phòng đại diện và các đơn vị trực thuộc; sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của Hội và biên bản các cuộc họp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội.

4. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Tiêu chuẩn và hình thức hội viên

1. Hội viên chính thức: Các tổ chức pháp nhân, công dân Việt Nam đã và đang hoạt động trong các lĩnh vực giảng dạy, nghiên cứu khoa học, quản lý, đào tạo, phổ biến, ứng dụng xã hội học tán thành Điều lệ Hội Xã hội học Việt Nam, tự nguyện nộp đơn gia nhập Hội đều có thể được Ban Thường vụ Hội xem xét, quyết định kết nạp.

2. Hội viên liên kết và hội viên danh dự: Các công dân, tổ chức Việt Nam có đóng góp cho sự phát triển của Hội nhưng không đủ điều kiện tham gia hoạt động Hội với tư cách là hội viên chính thức, tán thành Điều lệ Hội, có thể được Ban Thường vụ Hội xem xét, công nhận là hội viên liên kết, hội viên danh dự.

Điều 9. Quyền lợi của hội viên

1. Được tham gia các hoạt động, dự đại hội, thảo luận, biểu quyết các công việc của Hội, được bầu cử và ứng cử vào Ban Chấp hành Hội và giới thiệu hội viên gia nhập Hội theo Điều lệ của Hội.

2. Kiến nghị với Hội và các tổ chức của Hội để được giúp đỡ, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về xã hội học trong phạm vi và khả năng của Hội, được Hội hỗ trợ, khuyến khích và bảo vệ các quyền lợi hợp pháp trong hoạt động xã hội học, ứng dụng xã hội học vào các lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đời sống theo quy định của pháp luật.

3. Được cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp xã hội học và các hoạt động của Hội.

4. Được cấp Thẻ "Hội viên Hội Xã hội học Việt Nam" và sử dụng Thẻ này khi tham gia các sinh hoạt và các hoạt động của Hội.

5. Được xin ra khỏi Hội khi xét thấy không thể hoặc không muốn tiếp tục tham gia hoạt động Hội.

6. Hội viên liên kết và hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và không được bầu cử, ứng cử vào Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra của Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Chấp hành và thực hiện nghiêm túc Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội, nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội. Tích cực hưởng ứng và tham gia các hoạt động nghề nghiệp do Hội tổ chức và chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ được Hội giao.

2. Tham gia sinh hoạt đều đặn, đóng hội phí đầy đủ và đúng kỳ hạn theo quy định của Ban Chấp hành Hội.

3. Bảo vệ uy tín, danh dự của Hội và đóng góp, xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

Điều 11. Thủ tục và thẩm quyền kết nạp hội viên

1. Hồ sơ xin gia nhập Hội gồm:

- a) Đơn xin gia nhập Hội;
- b) Bản sao bằng cấp nghề nghiệp (đối với cá nhân);
- c) Bản sao quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư (đối với tổ chức).

2. Thẩm quyền kết nạp hội viên: Văn phòng Hội đề nghị Ban Thường vụ Hội xem xét, trình Chủ tịch Hội quyết định.

3. Văn phòng Hội có trách nhiệm thông báo danh sách hội viên mới trên trang Web của Hội trong vòng 30 ngày kể từ ngày hội viên được kết nạp.

Điều 12. Hình thức, thủ tục, thẩm quyền xóa tên hội viên

1. Tư cách hội viên sẽ bị chấm dứt hoặc bị xóa tên khỏi danh sách hội viên của Hội khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- a) Hội viên có đơn xin thôi sinh hoạt Hội;
- b) Hội viên vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Hội, vi phạm đạo đức nghề nghiệp, làm ảnh hưởng đến thể diện, uy tín, danh dự và tài chính của Hội hoặc hội viên khác thì bị khai trừ ra khỏi Hội;
- c) Hội viên vi phạm pháp luật, bị kết tội và phải chịu hình phạt khi có bản án kết tội của tòa án đã có hiệu lực pháp luật;
- d) Hội viên bị chết, mất tích hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- đ) Tổ chức tự ngừng hoạt động, bị đình chỉ hoạt động hoặc tuyên bố phá sản;
- e) Hội viên không tham gia sinh hoạt Hội hoặc không đóng hội phí từ 01 (một) năm trở lên mà không có lý do chính đáng;
- g) Hội viên bị quản chế hành chính.

2. Việc xóa tên hội viên do Văn phòng Hội đề nghị Ban Thường vụ Hội xem xét, trình Chủ tịch Hội quyết định.

3. Văn phòng Hội có trách nhiệm thông báo việc xóa tên hội viên tới hội viên bị xóa tên và công khai trên trang Web của Hội trong vòng 30 ngày kể từ ngày hội viên bị xóa tên.

Chương IV TỔ CHỨC CỦA HỘI

Điều 13. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội đại biểu toàn quốc.

2. Ban Chấp hành Hội.
3. Ban Thường vụ Hội.
4. Ban Kiểm tra Hội.
5. Văn phòng Hội.
6. Các ban chuyên môn.
7. Chi hội trực thuộc.
8. Các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội.

Điều 14. Đại hội đại biểu toàn quốc và Đại hội bất thường

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội Xã hội học Việt Nam là Đại hội đại biểu toàn quốc (sau đây gọi tắt là Đại hội), nhiệm kỳ 5 (năm) năm họp một lần do Ban Chấp hành Hội triệu tập. Đại hội được coi là hợp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt. Số lượng đại biểu và tỷ lệ phân bổ đại biểu dự Đại hội do Ban Chấp hành Hội đương nhiệm quyết định.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội:

- a) Thảo luận, thông qua báo cáo hoạt động của Hội nhiệm kỳ qua và xác định phương hướng hoạt động, phát triển của Hội trong nhiệm kỳ tới;
- b) Xem xét, thông qua báo cáo tài chính của Hội nhiệm kỳ qua và dự toán, định hướng hoạt động tài chính của Hội nhiệm kỳ tới;
- c) Thảo luận và thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội (nếu có);
- d) Quyết định số lượng ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra và bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội;
- đ) Quyết định việc chia, tách; giải thể; đổi tên và gia nhập các tổ chức quốc gia, khu vực và quốc tế có cùng lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật (nếu có);
- e) Thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng của Hội vượt quá thẩm quyền giải quyết của Ban Chấp hành Hội;
- g) Thông qua nghị quyết Đại hội.

3. Đại hội bất thường được Ban Chấp hành Hội triệu tập khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành Hội hoặc có ít nhất trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

- a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;
- b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 15. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội đại biểu toàn quốc bầu ra, là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ Đại hội. Số lượng ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Hội là 05 (năm) năm.

2. Ủy viên Ban Chấp hành có thể được bầu bổ sung hoặc thay thế trong thời gian giữa hai kỳ Đại hội khi được trên 2/3 số ủy viên Ban Chấp hành Hội biểu quyết tán thành. Số lượng ủy viên Ban Chấp hành được bầu bổ sung không được quá 1/5 (một phần năm) tổng số ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định. Ban Chấp hành Hội họp định kỳ mỗi năm 01 (một) lần. Trường hợp cần thiết, khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số ủy viên Ban Chấp hành Hội đề nghị, Ban Chấp hành Hội có thể họp bất thường.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành Hội:

a) Tổ chức thực hiện nghị quyết của Đại hội, nghị quyết của Ban Chấp hành và Điều lệ của Hội. Xây dựng và tổ chức chương trình hành động hàng năm và cả nhiệm kỳ theo nghị quyết Đại hội;

b) Tổ chức, điều hành mọi hoạt động của Hội trong thời gian giữa hai kỳ Đại hội; quyết định triệu tập và chuẩn bị các điều kiện để tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc, Đại hội bất thường (nếu có);

c) Tổ chức thực hiện các công việc chuẩn bị cho Hội nghị hàng năm của Hội và quyết định mức thu hội phí của hội viên;

d) Quyết định nội dung và ban hành quy chế tổ chức, hoạt động của Ban Chấp hành Hội, của các ban chuyên môn của Hội, quy chế quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của Hội theo quy định của pháp luật;

đ) Quyết định số lượng, bầu Ban Thường vụ và bãi miễn các chức danh lãnh đạo chủ chốt của Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký, các ủy viên Thường vụ Hội.

4. Nguyên tắc làm việc của Ban Chấp hành Hội:

a) Ban Chấp hành Hội hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số;

b) Ban Chấp hành Hội ban hành các quyết định và nghị quyết để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành Hội được xem là hợp lệ khi có ít nhất trên 1/2 (một phần hai) số lượng ủy viên Ban Chấp hành Hội tham dự;

d) Mọi biểu quyết trong Ban Chấp hành theo nguyên tắc quá bán, thiếu số phục tùng đa số. Hình thức biểu quyết tại cuộc họp Ban Chấp hành do Ban Chấp hành Hội quyết định.

Điều 16. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ là cơ quan thường trực của Ban Chấp hành do Ban Chấp hành Hội bầu và miễn nhiệm, bãi nhiệm. Số lượng, hình thức bầu Ban Thường vụ do

Ban Chấp hành Hội quyết định nhưng không được quá 1/3 (một phần ba) số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

2. Ban Thường vụ họp định kỳ 03 (ba) tháng 01 (một) lần; khi cần thiết, theo đề nghị của Chủ tịch Hội, Ban Thường vụ có thể họp bất thường để giải quyết các công việc quan trọng của Hội.

3. Nhiệm vụ của Ban Thường vụ:

a) Thay mặt Ban Chấp hành triển khai các nghị quyết của Đại hội, quyết định của Ban Chấp hành Hội và điều hành công việc của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Triển khai các phiên họp của Ban Thường vụ Hội;

c) Quyết định thành lập, phê duyệt chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, hoạt động, nhân sự của Văn phòng Hội, văn phòng đại diện, các tổ chức pháp nhân trực thuộc Hội; quyết định bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm các chức danh chủ chốt của Văn phòng, các ban chuyên môn, Giám đốc các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội và giải thể các tổ chức này theo quy định của pháp luật;

d) Quyết định việc cấp, phát và quản lý Thẻ hội viên; xem xét đơn xin gia nhập Hội của các công dân, tổ chức, doanh nghiệp để kết nạp làm hội viên chính thức và công nhận hội viên liên kết, hội viên danh dự hoặc xóa tên hội viên;

đ) Giải quyết các khiếu nại, tố cáo liên quan đến Hội và quyết định khen thưởng, kỷ luật hội viên theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

e) Quyết định những vấn đề do các cơ quan giúp việc của Hội đề xuất. Những quyết định này có hiệu lực khi có ít nhất trên 1/2 (một phần hai) số ủy viên Thường vụ tham dự cuộc họp tán thành.

Điều 17. Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội Xã hội học Việt Nam do Ban Chấp hành Hội bầu ra trong số các ủy viên Ban Thường vụ của Hội, là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật. Chủ tịch Hội có nhiệm vụ:

a) Triệu tập, chủ trì các cuộc họp Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Hội; điều hành việc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành Hội, Ban Thường vụ Hội theo Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

b) Đại diện cho Hội trong các hoạt động đối nội, đối ngoại liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội phù hợp với quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật; ký các văn bản giao dịch đối ngoại của Hội, các quyết định, nghị quyết của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Ký quyết định thành lập và giải thể các tổ chức trực thuộc Hội; bổ nhiệm, miễn nhiệm nhân sự đứng đầu các tổ chức có tư cách pháp nhân do Hội thành lập và các ban chuyên môn của Hội;

d) Là chủ tài khoản của Hội. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, Ban Chấp hành Hội, Ban Thường vụ và toàn thể hội viên về mọi hoạt động của Hội.

2. Khi Chủ tịch vắng mặt, nếu cần có thể ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch trong thời gian ủy quyền.

Điều 18. Phó Chủ tịch Hội

1. Phó Chủ tịch là người giúp việc cho Chủ tịch Hội, do Ban Chấp hành Hội bầu ra, được Chủ tịch Hội phân công phụ trách một số mặt hoạt động của Hội và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội về các công việc được phân công. Trong trường hợp được Chủ tịch Hội ủy quyền thì chịu trách nhiệm trước Chủ tịch và Ban Chấp hành về các công việc được ủy quyền.

2. Số lượng Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quyết định.

Điều 19. Tổng thư ký và các Phó Tổng thư ký Hội

1. Tổng thư ký Hội là ủy viên Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành Hội bầu ra, thường trực giải quyết các công việc của Hội do Chủ tịch phân công.

2. Tổng thư ký có nhiệm vụ:

a) Giúp việc cho Chủ tịch Hội, các Phó Chủ tịch về hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ xã hội học; đề xuất xây dựng các chương trình hoạt động về chuyên môn nhằm thúc đẩy phát triển ngành xã hội học Việt Nam;

b) Giúp Ban Thường vụ Hội xem xét và quyết định thành lập các tiểu ban chuyên môn, các tổ chức phục vụ cho công tác phát triển Hội, góp phần đẩy mạnh hoạt động Hội theo quy định của Ban Thường vụ, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của Hội;

c) Tổ chức các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, tuyên truyền, phổ biến thông tin theo chỉ đạo của Chủ tịch và Ban Thường vụ Hội;

d) Chuẩn bị nội dung các kỳ họp của Ban Chấp hành Hội; dự thảo báo cáo Chủ tịch, Ban Chấp hành Hội về các hoạt động nghiệp vụ của Hội. Lập báo cáo hàng năm, báo cáo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành.

3. Phó Tổng thư ký là ủy viên Ban Chấp hành Hội thực hiện các nhiệm vụ do Tổng thư ký phân công.

Điều 20. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra do Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội bầu ra gồm có Trưởng ban, Phó ban và các ủy viên. Trưởng Ban kiểm tra phải là ủy viên Ban Chấp hành Hội, các ủy viên Ban Kiểm tra là hội viên của Hội. Số lượng ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra theo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Hội.

2. Ban Kiểm tra họp định kỳ 06 (sáu) tháng 01 (một) lần.

3. Ban Kiểm tra có các nhiệm vụ:

a) Kiểm tra việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết của Đại hội, các quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội, các chủ trương và chương trình công tác của Hội; kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của Hội;

b) Kiểm tra tư cách và giám sát hoạt động của hội viên để báo cáo Ban Chấp hành xem xét, đề xuất với Ban Thường vụ quyết định khen thưởng hoặc xử lý kỷ luật đối với những hội viên vi phạm;

c) Xem xét và đề xuất giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội, những vấn đề có liên quan đến Hội, hội viên, tổ chức pháp nhân trực thuộc theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

d) Kiểm tra những vấn đề do hội viên, chi hội, tổ chức pháp nhân trực thuộc Hội theo yêu cầu của cơ quan chức năng nhà nước có thẩm quyền. Kết luận các đợt kiểm tra phải thông báo đầy đủ cho Ban Chấp hành Hội, Ban Thường vụ.

4. Trong khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, Ban Kiểm tra có quyền yêu cầu Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và các tổ chức pháp nhân trực thuộc, các cơ sở của Hội cung cấp thông tin, tài liệu, chứng từ liên quan đến những vấn đề thuộc phạm vi kiểm tra của Ban.

Điều 21. Văn phòng Hội

1. Văn phòng Hội có nhiệm vụ giúp Chủ tịch và Ban Thường vụ Hội quản lý tài sản, tài chính và thực hiện các công việc hành chính của Hội.

2. Văn phòng Hội gồm có: Chánh văn phòng, Phó Chánh văn phòng và một số cán bộ, nhân viên nghiệp vụ giúp việc.

3. Chánh Văn phòng phải là ủy viên Ban Thường vụ Hội, do Ban Thường vụ đề xuất Chủ tịch Hội quyết định. Phó Chánh văn phòng phải là ủy viên Ban Chấp hành Hội. Các nhân viên văn phòng phải là hội viên của Hội hoặc hợp đồng lao động do Chủ tịch Hội quyết định.

4. Chánh Văn phòng có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

a) Giúp Chủ tịch Hội và các Phó Chủ tịch Hội trong việc tiếp nhận và phổ biến các thông tin từ Hội đến các chi hội, các cơ quan giúp việc, các tổ chức thuộc và ngược lại;

b) Giúp Chủ tịch Hội và Ban Thường vụ Hội xây dựng báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm về hoạt động của Hội;

c) Đề xuất kế hoạch và đơn đốc thực hiện các hoạt động của Hội;

d) Quản lý, thực hiện các công việc hành chính của Văn phòng Hội.

Điều 22. Các ban chuyên môn và các tổ chức pháp nhân trực thuộc Hội

1. Tùy theo yêu cầu hoạt động của Hội, Ban Thường vụ Hội có thể đề nghị Chủ tịch Hội quyết định thành lập các ban chuyên môn như: Ban Tổ chức - hội viên, Ban Kinh tế, Ban Khoa học và Đào tạo, Ban Quan hệ quốc tế, Ban Thông tin - Truyền thông... Ban Thường vụ Hội có trách nhiệm quy định chức năng và nhiệm vụ hoạt động của các ban chuyên môn phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

2. Các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội, gồm: Viện, trung tâm nghiên cứu, tạp chí và các tổ chức khác được Hội thành lập theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Chi hội cơ sở

1. Các cơ quan, tổ chức, viện, trường có từ 05 hội viên trở lên có thể thành lập chi hội cơ sở thuộc Hội. Chi hội cơ sở bầu ra Ban Chấp hành chi hội, nhiệm kỳ hai năm rưỡi (2,5 năm). Ban Chấp hành chi hội bầu ra Chi hội trưởng, Chi hội phó.

2. Chi hội sinh hoạt thường kỳ 06 tháng một lần và có nhiệm vụ thực hiện Điều lệ và các nghị quyết của Hội.

3. Ban Thường vụ Hội quy định cụ thể trình tự, thủ tục thành lập chi hội cơ sở thuộc Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ HỘI

Điều 24. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và đổi tên Hội

1. Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và đổi tên Hội được thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội và quy định pháp luật có liên quan.

2. Các vấn đề về tài sản, tài chính, quyền và lợi ích, trách nhiệm và nghĩa vụ khác của Hội liên quan đến chia, tách; sáp nhập; hợp nhất Hội được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Giải thể Hội

1. Hội giải thể trong các trường hợp sau:

a) Hoạt động của Hội không có hiệu quả, không hoạt động liên tục trong 12 (mười hai) tháng, không mang lại lợi ích cho hội viên hoặc gây phiền hà, cản trở cho hội viên thì Hội xem xét, tự giải thể. Việc tự giải thể Hội do Đại hội thông qua theo đề nghị của ít nhất trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức;

b) Theo đề nghị của trên 2/3 (hai phần ba) tổng số hội viên của Hội;

c) Theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Trình tự, thủ tục giải thể Hội và việc giải quyết tài sản, tài chính của Hội khi giải thể Hội được thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI SẢN, TÀI CHÍNH CỦA HỘI

Điều 26. Tài sản của Hội

1. Tài sản của Hội gồm: Tài sản tự có của Hội, tài sản do các tổ chức, cá nhân hỗ trợ, tài trợ, tài sản thuê (nếu có). Toàn bộ tài sản phải được thể hiện đầy đủ trong sổ sách kế toán của Hội.

2. Văn phòng Hội có trách nhiệm quản lý, bảo vệ và sử dụng tài sản đúng mục đích, có hiệu quả.

Điều 27. Nguồn thu của Hội

1. Hội phí của hội viên (mức thu hội phí hàng năm của hội viên do Ban Chấp hành Hội quy định).

2. Thu từ việc thực hiện các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học do Hội chủ trì.

3. Thu từ các nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

4. Thu từ các hoạt động hợp tác, phối hợp với các tổ chức, đơn vị khác ngoài Hội.

5. Thu từ các hoạt động tuyên truyền, quảng cáo (nếu có).

6. Thu từ đóng góp của các tổ chức pháp nhân hoạt động kinh doanh, dịch vụ trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

7. Thu từ các hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo quy định của pháp luật.

8. Thu từ các nguồn thu hợp pháp khác (nếu có).

9. Ban Chấp hành Hội có nhiệm vụ xây dựng, ban hành quy chế tài chính của Hội đảm bảo tuân thủ các quy định quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước trình Chủ tịch Hội xem xét, quyết định phê duyệt.

Điều 28. Các khoản chi của Hội

1. Chi hoạt động thường xuyên của Hội.

2. Chi mua sắm tài sản, trang thiết bị và thuê trụ sở, văn phòng Hội.

3. Chi cho các đề tài nghiên cứu (nếu có).

4. Chi cho các hoạt động do Hội chủ trì hoặc tham gia chủ trì như hội nghị, hội thảo, in ấn, bồi dưỡng kiến thức, tập huấn nghiệp vụ.

5. Chi phụ cấp lương, công tác phí, bảo hiểm, phúc lợi cho cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm công tác Hội.

6. Chi cho hoạt động hợp tác quốc tế.

7. Chi khen thưởng hàng năm, đột xuất và các khoản chi khác theo quy chế tài chính của Hội phù hợp với quy định của pháp luật.

8. Hỗ trợ cho hoạt động của các chi hội (trong điều kiện kinh phí cho phép).

9. Các khoản chi khác để thực hiện nhiệm vụ của Hội theo quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật.

Chương VII

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 29. Khen thưởng

1. Các tổ chức, cá nhân hội viên có thành tích xuất sắc trong hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng xã hội học sẽ được Hội khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Thường vụ Hội có trách nhiệm ban hành quy chế về khen thưởng và quy định cụ thể hình thức, trình tự, thủ tục, tiêu chuẩn khen thưởng hội viên phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 30. Kỷ luật

1. Tổ chức, cá nhân hội viên hoạt động trái với Điều lệ, nghị quyết của Hội, làm ảnh hưởng tới danh dự, uy tín, lợi ích của Hội hoặc hội viên khác thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật với các hình thức từ phê bình, khiển trách, cảnh cáo và khai trừ, xóa tên khỏi danh sách hội viên hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại về vật chất, tài sản và tài chính của Hội thì ngoài việc áp dụng các hình thức kỷ luật nêu trên còn phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Ban Thường vụ Hội có trách nhiệm ban hành quy chế kỷ luật và quy định cụ thể nội dung, hình thức, trình tự, thủ tục, thẩm quyền kỷ luật trong nội bộ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Xã hội học Việt Nam mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt mới có hiệu lực thi hành.

Điều 32. Hiệu lực thi hành

1. Bản Điều lệ của Hội Xã hội học Việt Nam gồm có 8 (tám) Chương, 32 (ba mươi hai) Điều đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II (nhiệm kỳ 2012 -

2017) của Hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2012 tại Hà Nội và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Căn cứ các quy định của pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Xã hội học Việt Nam có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.